

**ATÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HS-ST.
Ngày 26/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HS, ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HS, ngày 10/7/2023 và Thông báo dời ngày xét xử số: 03/TB-TA, ngày 19/7/2023 đối với:

Bị cáo Thạch Minh T, sinh ngày 30/3/1998, nơi sinh tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch D, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Dương Thị L, sinh năm 1957. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị L1, sinh năm 1996 (không đăng ký kết hôn); con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022. Anh, chị, em ruột có 03 người (kể cả bị cáo), lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2023 đến ngày 16/02/2023 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà Hồng Thị Kim N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Hồng Thị H, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Anh Thạch Minh T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Chị Đặng Thị N1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng:

- Anh Trần Trung H1, sinh năm 1998. Có mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc T2 sinh năm 1998. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Trần Anh T3, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

- Anh Trần Ngọc Q, sinh năm 2004. Địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

- Anh Lâm Quang H2, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

Người phiên dịch: Ông Kim Na R, nguyên cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Thạch Minh T là người thuê phòng trọ của bà Hồng Thị Kim N, ngụ ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh từ năm 2017 để sinh sống cùng vợ con. Quá trình sinh sống bị cáo phát hiện bà N thường xuyên để tài sản là tiền, vàng trong túi áo khoác được treo trên sào quần áo trong phòng ngủ của bà nhưng không khoá cửa phòng nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà N. Từ ngày 24/01/2023 đến ngày 11/02/2023, lợi dụng lúc bà N thiếu trông coi, quản lý tài sản, bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà N đem bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/01/2023, sau khi uống rượu, bia tại phòng trọ, bị cáo thấy bà N đang ngồi phía nhà trước, không để ý nên bị cáo đã lén lúc đi vào bên trong phòng ngủ của bà N, phát hiện trên sào quần áo có một chiếc áo khoác màu nâu, bị cáo kéo mở túi áo khoác màu nâu bên phải thấy bên trong có một túi rút màu đỏ có 05 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc là 05 chỉ, bị cáo lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng rồi đem bán cho một

tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 26.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài hết.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 16 giờ ngày 27/01/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như lần thứ nhất, bị cáo lén lúc đi vào phòng ngủ của bà N, kéo mở túi áo khoác màu nâu bên phải, bên trong có túi rút màu đỏ, lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), mỗi chiếc trọng lượng 05 chỉ, rồi đem bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 52.000.000 đồng. Có được tiền, bị cáo tổ chức uống bia và hát karaoke tại quán C1, bị cáo cho nhân viên tại quán tên Đặng Hằng N2, trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền khoảng 20.000.000 đồng, cho vợ bị cáo tên Nguyễn Thị L1, số tiền khoảng 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ ba:* Vào khoảng 16 giờ ngày 04/02/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như 02 lần trước đó, bị cáo lén lúc đi vào phòng ngủ của bà N, kéo mở túi áo khoác màu nâu bên phải, bên trong có túi rút màu đỏ, lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), mỗi chiếc trọng lượng 05 chỉ, rồi thuê xe ôm chở đến chợ N3, huyện D, tỉnh Trà Vinh bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ N3 được số tiền khoảng 52.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ tư:* Vào khoảng 15 giờ ngày 06/02/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như các lần trước đó, bị cáo lén lúc đi vào phòng ngủ của bà N, thấy trên sào quần áo có một chiếc áo khoác màu vàng, bị cáo kéo mở túi áo khoác màu vàng bên trái thì phát hiện bên trong có một túi vải dù màu xanh dương có đựng 03 hộp nhựa màu đỏ, trong đó 01 hộp nhựa màu đỏ đựng 01 chiếc lắc vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 hộp nhựa màu đỏ đựng 01 sợi dây chuyền vàng 18K có mặt bằng vàng 18K, tổng trọng lượng 07 chỉ. Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo đem bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 38.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài hết.

- *Lần thứ năm:* Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/02/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như những lần trước, bị cáo tiếp tục lén lúc vào phòng ngủ của bà N lấy trộm 03 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ, bỏ trong một hộp nhựa màu đỏ, được để trong túi áo khoác màu nâu bên phải treo phía bên trong sào quần áo. Tiếp đó, bị cáo kéo mở túi áo khoác màu vàng bên trái treo ở giữa trên sào quần áo lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), 01 chiếc trọng lượng 1 chỉ, 01 chiếc trọng lượng 03 chỉ và lấy trộm 4.000.000 đồng để trong túi nylon màu đỏ của túi áo khoác màu vàng bên phải. Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo đem bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 22.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá về tài sản số: 11/KL.HĐĐG ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

+ 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng 03 chỉ x 5.500.000 đồng = 16.500.000 đồng;

+ 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng 01 chỉ x 5.500.000 đồng = 5.500.000 đồng;

+ 01 (một) dây chuyền vàng dạng mắc xích đẹp có mặt hình tròn bằng vàng, một bên có hoa văn và đính nhiều hạt nhựa nhỏ trong suốt, tổng cộng 07 chỉ x 3.670.000 đồng = 25.690.000 đồng;

+ 01 (một) lắc tay bằng vàng 18K dạng mắc xích đẹp trọng lượng 03 chỉ x 3.670.000 đồng = 11.010.000 đồng;

+ 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng 05 chỉ x 5.380.000 đồng = 26.900.000 đồng;

+ 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ x 02 chiếc x 5.420.000 đồng = 54.200.000 đồng;

+ 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ x 02 chiếc x 5.460.000 đồng = 54.600.000 đồng;

+ 03 (ba) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ x 03 chiếc x 5.430.000 đồng = 16.290.000 đồng;

Tổng số vàng mà bị cáo bị chiếm đoạt của bị hại có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 210.690.000 đồng cộng 4.000.000 đồng bị cáo lấy trộm, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà N là 214.690.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngày 11/02/2023 bà Hồng Thị Kim N trình báo đến Công an xã L về việc bị mất trộm tài sản, ngày 13/02/2023 bị cáo Thạch Minh T đến Công an phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh tự thú. Quá trình làm việc bị cáo Thạch Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Ngày 16/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 13/02/2023 đến ngày 16/02/2023 chuyển tạm giam cho đến nay.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại bà Hồng Thị Kim N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền là 214.690.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động anh ruột tên Thạch Minh T1 bồi thường cho bị hại được số tiền 5.000.000 đồng, bà N yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

- Đối với anh Thạch Minh T1 đã bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thay bị cáo, nay anh không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

- Đối với bà Hồng Thị H, là chị ruột của bị hại bà Hồng Thị Kim N, bà H có gửi bà N cất giữ 05 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ và 03 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ, đều bị Thạch Minh T lấy trộm và bán tiêu xài hết. Do đó bà H có quyền yêu cầu bà N trả lại số tài sản trên hoặc có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Đối với chị Đặng Hằng N2 có nhận số tiền tặng cho khoảng 20.000.000 đồng từ bị cáo, tại thời điểm nhận tiền chị N2 không biết số tiền này do bị cáo trộm

cấp mà có. Sau khi nhận tiền, chị N2 đã tiêu xài hết, không có khả năng trả lại nên không thể thu hồi được và không xem xét xử lý.

- Đối với chị Nguyễn Thị L1 – vợ bị cáo có nhận số tiền khoảng 20.000.000 đồng từ bị cáo, khi đưa tiền bị cáo nói số tiền này là do bị cáo đi đòi nợ mà có được nên chị L1 không biết số tiền này do bị cáo trộm cắp mà có. Kết quả xác minh, hiện nay chị L1 không có mặt ở địa phương nên chưa mời làm việc được, khi nào mời làm việc được nếu có cơ sở sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT-VKS-HS, ngày 21/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị cáo Thạch Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Thạch Minh T khai nhận:

Bị cáo là người thuê phòng trọ của bà Hồng Thị Kim N ngụ ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo quan sát nhìn thấy bà N có cất giấu nhiều tài sản là tiền, vàng trong túi áo khoác được treo trên sào quần áo trong phòng ngủ của bà N, nhưng không khoá cửa, từ ngày 24/01/2023 đến ngày 11/02/2023 bị cáo đã 05 lần lén lút vào phòng ngủ của bà N lấy trộm vàng và tiền đem bán tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo thống nhất Bản kết luận định giá về tài sản số: 11/KL.HĐĐG ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số vàng tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị là 210.690.000 đồng và 4.000.000 đồng. Tổng cộng là 214.690.000 đồng.

Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại bà Hồng Thị Kim N trình bày: Số vàng và số tiền nêu trên bà cất giấu trong túi áo khoác được treo trên sào quần áo trong phòng ngủ của bà, đến ngày 11/02/2023 bà phát hiện bị mất trộm hết và trình báo đến Công an xã L. Bị cáo khai nhận đã lấy trộm số vàng và số tiền của bà nêu trên là đúng. Bà thống nhất Bản kết luận định giá về tài sản số: 11/KL.HĐĐG ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận. Về trách nhiệm hình sự bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự bà đã nhận số tiền bồi thường là 5.000.000 đồng, số tiền còn lại 209.690.000 đồng bà yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị cáo Thạch Minh T đồng ý bồi thường tiếp số tiền 209.690.000 đồng cho bà Hồng Thị Kim N.

- *Tại phiên tòa bà Hồng Thị H trình bày:* Bà có gửi cho bà N cất giữ 05 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ và 03 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ, đều bị Thạch Minh

T lấy trộm hết, về số vàng bị mất trộm, bà và bà N tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa anh Thạch Minh T1 trình bày: Bị cáo có tác động anh bồi thường cho bà N 5.000.000 đồng. Nay anh đồng ý bồi thường số tiền này cho bà N và không yêu cầu bị cáo trả lại. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Nguyễn Văn Đ đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thạch Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường tiếp số tiền 209.690.000 đồng cho bà Hồng Thị Kim N. Đối với anh Thạch Minh T1 không yêu cầu bị cáo trả lại 5.000.000 đồng nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn buộc bị cáo nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Thạch Minh T nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận 05 lần trộm cắp tài sản nêu trên của bà N là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Thạch Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Thạch Minh T là người thuê phòng trọ của bà Hồng Thị Kim N, ngụ ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh từ năm 2017 để sinh sống cùng vợ con. Quá trình sinh sống bị cáo phát hiện bà N thường xuyên để tài sản là tiền, vàng trong túi áo khoác được treo trên sào quần áo trong phòng ngủ của bà nhưng không khoá cửa phòng nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà N. Từ ngày 24/01/2023 đến ngày 11/02/2023, lợi dụng lúc bà N thiếu trông coi, quản lý tài sản, bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà N đem bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/01/2023, sau khi uống rượu, bia tại phòng trọ, bị cáo thấy bà N đang ngồi phía nhà trước, không để ý nên bị cáo đã lén lút đi vào bên trong phòng ngủ của bà N, phát hiện trên sào quần áo có một chiếc áo khoác màu nâu, bị cáo kéo mở túi áo khoác màu nâu bên phải thấy bên trong có một túi rút màu đỏ có 05 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc là 05 chỉ, bị cáo lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng rồi đem bán cho một

tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 26.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài hết.

- *Lần thứ hai:* Vào khoảng 16 giờ ngày 27/01/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như lần thứ nhất, bị cáo lén lúc đi vào phòng ngủ của bà N, kéo mở túi áo khoác màu nâu bên phải, bên trong có túi rút màu đỏ, lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), mỗi chiếc trọng lượng 05 chỉ, rồi đem bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 52.000.000 đồng. Có được tiền, bị cáo tổ chức uống bia và hát karaoke tại quán C1, bị cáo cho nhân viên tại quán tên Đặng Hằng N2, trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền khoảng 20.000.000 đồng, cho vợ bị cáo tên Nguyễn Thị L1, số tiền khoảng 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ ba:* Vào khoảng 16 giờ ngày 04/02/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như 02 lần trước đó, bị cáo lén lúc đi vào phòng ngủ của bà N, kéo mở túi áo khoác màu nâu bên phải, bên trong có túi rút màu đỏ, lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), mỗi chiếc trọng lượng 05 chỉ, rồi thuê xe ôm chở đến chợ N3, huyện D, tỉnh Trà Vinh bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ N3 được số tiền khoảng 52.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

- *Lần thứ tư:* Vào khoảng 15 giờ ngày 06/02/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như các lần trước đó, bị cáo lén lúc đi vào phòng ngủ của bà N, thấy trên sào quần áo có một chiếc áo khoác màu vàng, bị cáo kéo mở túi áo khoác màu vàng bên trái thì phát hiện bên trong có một túi vải dù màu xanh dương có đựng 03 hộp nhựa màu đỏ, trong đó 01 hộp nhựa màu đỏ đựng 01 chiếc lắc vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 hộp nhựa màu đỏ đựng 01 sợi dây chuyền vàng 18K có mặt bằng vàng 18K, tổng trọng lượng 07 chỉ. Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo đem bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 38.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài hết.

- *Lần thứ năm:* Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/02/2023, với thủ đoạn và cách thức trộm cắp như những lần trước, bị cáo tiếp tục lén lúc vào phòng ngủ của bà N lấy trộm 03 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ, bỏ trong một hộp nhựa màu đỏ, được để trong túi áo khoác màu nâu bên phải treo phía bên trong sào quần áo. Tiếp đó, bị cáo kéo mở túi áo khoác màu vàng bên trái treo ở giữa trên sào quần áo lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn), 01 chiếc trọng lượng 1 chỉ, 01 chiếc trọng lượng 03 chỉ và lấy trộm 4.000.000 đồng để trong túi nylon màu đỏ của túi áo khoác màu vàng bên phải. Sau khi lấy trộm được tài sản bị cáo đem bán cho một tiệm vàng (không xác định biển hiệu) trong chợ C được số tiền khoảng 22.000.000 đồng, có được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá về tài sản số: 11/KL.HĐĐG ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

+ 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng 03 chỉ x 5.500.000 đồng = 16.500.000 đồng;

+ 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng 01 chỉ x 5.500.000 đồng = 5.500.000 đồng;

+ 01 (một) dây chuyền vàng dạng mắc xích đẹp có mặt hình tròn bằng vàng, một bên có hoa văn và đính nhiều hạt nhựa nhỏ trong suốt, tổng cộng 07 chỉ x 3.670.000 đồng = 25.690.000 đồng;

+ 01 (một) lắc tay bằng vàng 18K dạng mắc xích đẹp trọng lượng 03 chỉ x 3.670.000 đồng = 11.010.000 đồng;

+ 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng 05 chỉ x 5.380.000 đồng = 26.900.000 đồng;

+ 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ x 02 chiếc x 5.420.000 đồng = 54.200.000 đồng;

+ 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng mỗi chiếc 05 chỉ x 02 chiếc x 5.460.000 đồng = 54.600.000 đồng;

+ 03 (ba) chiếc nhẫn vàng 24K (nhẫn trơn) trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ x 03 chiếc x 5.430.000 đồng = 16.290.000 đồng;

Tổng số vàng bị cáo bị chiếm đoạt của bị hại 05 lần có giá trị 210.690.000 đồng cộng 4.000.000 đồng bị cáo lấy trộm. Tổng cộng là 214.690.000 đồng.

Ngày 11/02/2023 bà Hồng Thị Kim N trình báo đến Công an xã L về việc bị mất trộm tài sản, ngày 13/02/2023 bị cáo Thạch Minh T đến Công an phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh tự thú. Quá trình làm việc bị cáo Thạch Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Thạch Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, từ năm 2017 bị cáo thuê phòng trọ của bà Hồng Thị Kim N để sinh sống cùng vợ con, quá trình sinh sống bị cáo phát hiện bà N thường xuyên để tài sản là tiền, vàng trong túi áo khoác được treo trên sào quần áo trong phòng ngủ của bà nhưng thường xuyên không khoá cửa phòng ngủ, từ

ngày 24/01/2023 đến ngày 11/02/2023 bị cáo lợi dụng lúc bà N thiếu trông coi, quản lý tài sản, bị cáo đã lên lút 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vàng, tiền của bà N với tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 214.690.000 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo tự thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đến ngày 13/02/2023 bị cáo Thạch Minh T đến Công an phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh tự thú hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Số vàng bị cáo trộm cắp của bà N đều bán hết, khi có tiền bị cáo chi xài vào việc tổ chức uống rượu, hát karaoke, tặng tiền cho người khác và đi chơi ...nhằm thỏa mãn nhu cầu bản thân, từ đó dẫn đến cơ quan tố tụng không thu hồi được số tiền, vàng bị cáo đã bán, còn bị cáo thì không có khả năng bồi thường trả lại tài sản cho bị hại, từ đó đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của bà N sau khi bị mất trộm tài sản. Trong thời gian từ ngày 24/01/2023 đến ngày 11/02/2023, bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vàng và tiền của bà N, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa bà Hồng Thị Kim N yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền là 209.690.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

- Đối với anh Thạch Minh T1 đã bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo, tại phiên tòa anh T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Thạch Minh T có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thạch Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thạch Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 13 tháng 02 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Thạch Minh T bồi thường số tiền 209.690.000 đồng (*Hai trăm lẻ chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) cho bà Hồng Thị Kim N.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thạch Minh T nộp 200.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thạch Minh T nộp 10.484.500 đồng (*mười triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*);

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm